**PHẦN ĐỊA LÍ**

**ĐỀ CƯƠNG GIỮA KÌ ĐỊA LÍ 6**

**Bài 1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến và tọa độ địa lí**

- Kinh tuyến: là các đường nối cực Bắc với cực Nam .

+ Kinh tuyến gốc 00 đi qua đài thiên văn Grin – Uych ở ngoại ô thủ đô Luân Đôn của nước Anh.

- Vĩ tuyến: là những vòng tròn song song với đường xích đạo.

+ Vĩ tuyến gốc 00( xích đạo)

![Cánh Diều] Giải Địa lí 6 Bài 1: Hệ thống kinh vĩ tuyến. Tọa độ địa lí của  một địa điểm trên bản đồ]()- Cách viết tọa độ địa lí : Vĩ độ trước, kinh độ sau. Ví dụ A( 100B, 200Đ)

**Bài 2: Kí hiệu và chú giải trên một số bản đồ thông dụng**

- Kí hiệu bản đồ là những hình vẽ. Màu sắc, chữ viết...mang tính qui ước dùng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ

- Kí hiệu bản đồ có nhiều loại khác nhau, thường được chia thành ba loại:

+ Kí hiệu điểm: mỏ khoáng sản, sân bay, cảng biển....

+ Kí hiệu đường: ranh giới quốc gia, đường giao thông, sông ngòi.....

+ Kí hiệu diện tích: đất trồng rừng, đầm lầy, vùng trồng lúa.....

**Bài 3: Tìm đường đi trên bản đồ**

- Để xác định phương hướng trên bản đồ người ta dựa vào:

+ Hệ thống kinh, vĩ tuyến

+ Dựa vào kim chỉ nam hoặc mũi tên chỉ hướng Bắc.



- Tỉ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ của khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách trên thực địa.

**Ví dụ 1**: Tỉ lệ bản đồ 1:10 000 thì 1 cm trên bản đồ ứng với 10.000 cm ngoài thực tế (bằng 100 m)

**Ví dụ 2 :** Trên bản đồ có tỉ lệ 1 : 200000 khoảng cách giữa hai điểm A và B là 6cm. Tính khoảng cách hai điểm đó ngoài thực tế.

Bài giải

Khoảng cách giữa hai điểm A và B ngoài thực tế là:

6 x 200000 = 1200000 (cm) = 12km

Đáp số: 12km

 PHẦN LỊCH SỬ ( 2 TIẾT )

**BÀI 9: TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII**

1. **ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**
* Thời cổ đại, Trung Quốc nhỏ hơn ngày nay rất nhiều, cư dân cư trú chủ yếu ở lưu vực sông Hoàng Hà và Trường Giang.
* Trên vùng đất màu mỡ của hai con sông, những nhà nước cổ đại đầu tiên của Trung Quốc đã ra đời.
1. **QUÁ TRÌNH THỐNG NHẤT VÀ XÁC LẬP CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN DƯỚI THỜI TẦN THỦY HOÀNG**
* Thời cổ đại ở Trung Quốc tồn tại hàng trăm tiểu quốc. giữa các nước thường xảy ra chiến tranh nhằm thôn tính lẫn nhau.
* Cuối thời nhà Chu, nước Tần mạnh lên, lần lượt đánh chiếm các nước thống nhất Trung Quốc.
* Năm 221 TCN, Tần Doanh Chính lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Tần Thủy Hoàng, thống nhất Trung Quốc về mặt lãnh thổ, đo lường, tiền tệ và chữ viết.
* Xã hội Trung Quốc bắt đầu phân hóa, hình thành giai cấp địa chủ và tá điền trong đó địa chủ bóc lột tá điền bằng địa tô => quan hệ sản xuất phong kiến được xác lập ở Trung Quốc.
* Năm 206 TCN nhà Tần sụp đổ.
1. **TỪ NHÀ HÁN, NAM-BẮC TRIỀU ĐẾN NHÀ TÙY**
* Nhà Hán cai trị Trung Quốc hơn 4 thế kỉ. năm 220 nhà Hán sụp đổ, Trung Quốc bước vào thời kì loạn lạc, thống nhất xem kẽ chia rẽ.
* Cuối thế kỉ VI, nhà Tùy tái thống nhất Trung Quốc.
1. **THÀNH TỰU TIÊU BIỂU CỦA NỀN VĂN MINH TRUNG QUỐC CỔ ĐẠI**
* *Tư tưởng*: Nho giáo
* *Chữ viết*: chữ tượng hình viết trên thẻ tre, giấy…
* *Văn học*: có Kinh thi; sử học có Bộ sử kí của Tư Mã Thiên
* *Y học*: bấm huyệt, châm cứu
* *Kĩ thuật*: làm giấy, dệt tơ lụa, địa động nghi…
* *Kiến trúc*: Vạn Lý trường thành, Cố cung, Tử Cấm thành…

**Luyện tập,**

**1.**Theo em, tại sao sông Hoàng Hà được xem là sông mẹ” ở Trung Quốc. từ đó em hãy kể tên “sông mẹ” ở Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ.

2.Theo em, việc phát minh ra kĩ thuật làm giấy có vai trò gì đối với sự phát triển của xã hội hiện nay.